

Số: /BC-SLĐTBXH

Bình Phước, ngày tháng năm 2021

BÁO CÁO
Kết quả công tác cải cách hành chính Quý III/2021
và phương hướng, nhiệm vụ Quý IV/2021

Thực hiện Quyết định số 3455/UBND-NC ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch cải cách hành chính Nhà nước năm 2021 trên địa bàn tỉnh Bình Phước; Công văn số 255/SNV-CCHC ngày 02/3/2021 của Sở Nội vụ về việc hướng dẫn xây dựng Báo cáo cải cách hành chính định kỳ năm 2021,

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (sau đây gọi tắt là Sở) báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính (CCHC) quý III/2021 và phương hướng, nhiệm vụ quý IV/2021, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH CCHC QUÝ III/2021

1. Tình hình tổ chức thực hiện và công tác kiểm tra, tuyên truyền CCHC

a) Về tình hình tổ chức thực hiện

Sở tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ đã đề ra tại các kế hoạch¹. Ngoài ra, để đảm bảo tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, nội dung công tác CCHC, Sở đã ban hành 03 văn bản chỉ đạo, triển khai đến các phòng chuyên môn, các đơn vị trực thuộc Sở, cụ thể là:

- Quyết định số 66/QĐ-SLĐTBXH ngày 06/8/2021 về phân công nhiệm vụ thực hiện và chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính.

- Kế hoạch số 224/KH-SLĐTBXH ngày 30/8/2021 về thực hiện Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong thực hiện giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực lao động, người có công và xã hội.

- Công văn số 1454/SLĐTBXH-VP ngày 13/8/2021 thực hiện dịch vụ công trực tuyến hỗ trợ người lao động, người sử dụng lao động trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

b) Về kiểm tra CCHC

Ban hành Kế hoạch số 167/KH-SLĐTBXH ngày 19/7/2021 về kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2021, Quyết định số 72/QĐ-SLĐTBXH ngày

¹ (1) Kế hoạch số 10/KH-SLĐTBXH ngày 19/01/2021 về thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2021; (2) Kế hoạch số 32/KH-SLĐTBXH ngày 02/3/2021 về thực hiện hoạt động kiểm soát TTHC và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC năm 2021; (3) Kế hoạch số 39/KH-SLĐTBXH ngày 15/3/2021 về truyền thông hỗ trợ hoạt động cải cách TTHC, kiểm soát TTHC, ứng dụng CNTT, xây dựng chính quyền điện tử và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC năm 2021; (4) Kế hoạch số 68/KH-SLĐTBXH ngày 26/4/2021 về đánh giá việc giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông và rà soát đơn giản hóa TTHC, chuẩn hóa nâng cấp Dịch vụ công năm 2021.

29/8/2021 thành lập Đoàn kiểm tra công tác CCHC năm 2021. Theo đó, dự kiến kiểm tra các đơn vị trực thuộc và phòng nghiệp vụ Sở trong tháng 9/2021.

Ngoài ra, Văn phòng Sở duy trì việc theo dõi tình hình thực hiện 06 nhiệm vụ CCHC của cơ quan. Các phòng, đơn vị trực thuộc và bộ phận liên quan đã quan tâm, có trách nhiệm đối với công tác tự rà soát, tự kiểm tra tình hình thực hiện, đã có gửi kết quả về Văn phòng Sở tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Sở tại các cuộc họp cơ quan định kỳ.

c) Về tuyên truyền CCHC

Sở đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến những nội dung, nhiệm vụ, quy định mới liên quan đến CCHC đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động cơ quan, đơn vị và đông đảo người dân thông qua hình thức phù hợp với tình hình thực tế như: Thông qua buổi sinh hoạt “Ngày pháp luật”; đăng tải nhiều bài viết, thông tin trên Trang thông tin điện tử của Sở, của đơn vị trực thuộc; chuyển văn bản, nội dung tuyên truyền qua hồ sơ công việc của cán bộ, công chức, viên chức; thông qua công chức tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh cũng như bộ phận tiếp nhận hồ sơ của 03 đơn vị trực thuộc. Ngoài ra, còn cử 01 công chức tham gia Hội thi tuyên truyền CCHC của tỉnh.

2. Kết quả thực hiện

a) Cải cách thể chế

- Tập trung rà soát, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, vấn đề chính sách và đã tham mưu UBND tỉnh ban hành 01 Quyết định², đề nghị UBND tỉnh trình HĐND tỉnh đề nghị xây dựng 05 Nghị quyết³ của HĐND tỉnh tại kỳ họp cuối năm 2021; hiện đang lấy ý kiến đối tượng, cơ quan, tổ chức liên quan đối với việc đề nghị xây dựng 02 Nghị quyết⁴ của HĐND tỉnh.

- Đã tham gia đóng góp ý kiến vào các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật khi đơn vị chủ trì gửi lấy ý kiến đóng góp. Tham gia Tổ rà soát văn bản quy phạm pháp luật theo chuyên đề của tỉnh năm 2021, trên cơ sở kết quả rà soát Sở đã kiến nghị xử lý một số văn bản liên quan đến lĩnh vực của ngành của trung ương, của

² Quyết định số 34/2021/QĐ-UBND ngày 15/9/2021 bãi bỏ các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước ban hành thuộc lĩnh vực Lao động - Thương binh và Xã hội (gồm có 20 Quyết định).

³ (1) Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 11/2006/NQ-HĐND ngày 21/7/2006 của HĐND tỉnh về mức thu học phí và phí dự thi, dự tuyển đào tạo nghề tại các cơ sở đào tạo nghề công lập trên địa bàn tỉnh; (2) Nghị quyết thông qua đề án tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; (3) Nghị quyết quy định lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh; (4) Nghị quyết quy định mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho các chức danh đội trưởng, đội phó đội dân phòng trên địa bàn tỉnh; (5) Nghị quyết quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh.

⁴ (1) Nghị quyết quy định về chính sách hỗ trợ chi phí lễ tang đối với cán bộ, công chức, viên chức Nhà nước, đảng, đoàn thể, các đối tượng chính sách người có công khi từ trần; (2) Nghị quyết quy định mức hỗ trợ hàng tháng đối với đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2022 – 2025.

tính do chồng chéo, gây khó khăn cản trở cũng như không còn phù hợp với tình hình thực tế.

b) Cải cách thủ tục hành chính

- Thường xuyên rà soát quyết định công bố thủ tục hành chính (TTHC) của Trung ương với mục tiêu cắt giảm thời gian, chi phí giải quyết, rà soát các biểu mẫu, tờ khai và đã tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 04 Quyết định⁵ công bố TTHC và 01 Quyết định⁶ công bố quy trình giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Hiện Bộ TTHC của ngành có tổng số 160 TTHC, trong đó có 157 TTHC thực hiện mức độ 4, đạt 98,1%, còn 03 TTHC mức độ 2 và cả Bộ TTHC cắt giảm được hơn 33% thời gian so với quy định của trung ương.

- Tất cả các TTHC thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của Sở, đơn vị trực thuộc được công khai đúng quy định tại nơi trực tiếp tiếp nhận giải quyết TTHC ở Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, trên Website: dichvucong.binhphuoc.gov.vn và niêm yết tại bảng thông báo của đơn vị trực thuộc.

- Hoàn thành việc công khai 150/160 TTHC (đạt 93,75%) thực hiện trực tuyến mức độ 3, 4 trên Cổng dịch vụ công quốc gia. Còn 10 TTHC chưa công khai do phải kiểm tra điều kiện thực tế, hợp hội đồng thẩm định.

- Tiếp nhận và giải quyết **15.331** hồ sơ TTHC, trong đó đã giải quyết đúng và trước hạn 15.329 hồ sơ, 02 hồ sơ đang giải quyết (*theo Phụ lục 2 gửi kèm theo*), gồm có:

- + 105 hồ sơ TTHC tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- + 15.226 hồ sơ TTHC tiếp nhận tại Trung tâm Dịch vụ việc làm.

- Ngoài ra, giải quyết 156 hồ sơ liên thông, trong đó: Giải quyết trước hạn 130 hồ sơ tỉnh, huyện, xã và 24 hồ sơ tỉnh, huyện; 02 hồ sơ tỉnh, huyện đang trong thời hạn giải quyết.

- Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh có tổ chức khảo sát sự hài lòng của tổ chức, cá nhân trong giải quyết TTHC của Sở. Trung tâm Dịch vụ việc làm (đơn vị trực thuộc Sở) cũng tổ chức khảo sát với số phiếu phát ra là 203 phiếu, số phiếu thu về là 203 phiếu, kết quả sự hài lòng cụ thể theo Phụ lục 4 gửi kèm theo.

c) Cải cách tổ chức bộ máy

Tổ chức bộ máy của Sở thực hiện đúng theo quy định, đã thực sự tinh gọn và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao với 05 phòng chuyên môn và 03

⁵ Quyết định số 1645/QĐ-UBND ngày 25/6/2021; Quyết định số 1769/QĐ-UBND ngày 06/7/2021; Quyết định số 1886/QĐ-UBND ngày 20/7/2021; Quyết định số 1996/QĐ-UBND ngày 03/8/2021 của UBND tỉnh.

⁶ Quyết định số 1997/QĐ-UBND ngày 03/8/2021 của UBND tỉnh

đơn vị trực thuộc; đã sử dụng 42/42 biên chế hành chính, 34/52 biên chế sự nghiệp và 57/82 biên chế hợp đồng lao động theo Nghị định 68 được giao.

d) Cải cách công vụ

- Tuyển dụng 01 công chức; quyết định thăng hạng từ hạng IV lên hạng III đối với 04 viên chức.

- Góp ý các dự thảo Quyết định ban hành Quy định về phân cấp thẩm quyền quản lý tổ chức bộ máy và tuyển dụng, sử dụng, quản lý cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan hành chính Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Bình Phước; ban hành Quyết định giao chỉ tiêu biên chế viên chức (số lượng người làm việc) và chỉ tiêu lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP năm 2021; ban hành Kế hoạch định kỳ chuyển đổi vị trí công tác năm 2021 và Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và thu hút nguồn nhân lực năm 2021.

- Đánh giá kết quả thực hiện công tác liên quan thuộc nhiệm vụ cải cách công vụ tại các báo cáo như: Báo cáo tổng kết thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Báo cáo tình hình, kết quả thực hiện quản lý biên chế gắn với vị trí việc làm giai đoạn 2016 - 2021, đề xuất biên chế giai đoạn 2022 - 2026 và hằng năm; Báo cáo cơ cấu ngạch và đăng ký nhu cầu thi nâng ngạch năm 2021; Báo cáo tổng kết công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý từ nhiệm kỳ 2010 – 2015 đến nay.

- Thực hiện nghiêm quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức Ngành Lao động - Thương binh và Xã hội. Không có phản ánh về việc cán bộ, công chức, viên chức thuộc Ngành có thái độ xử sự không đúng chuẩn mực.

đ) Cải cách tài chính công

Thực hiện tốt quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kinh phí quản lý hành chính ở Văn phòng Sở và các đơn vị trực thuộc theo qui định; thực hiện nghiêm chương trình hành động phòng, chống tham nhũng, chương trình hành động thực hành tiết kiệm chống lãng phí của ngành trong các lĩnh vực: Xác nhận hồ sơ, công nhận đối tượng, đầu tư xây dựng cơ bản, thu chi ngân sách nhà nước, quản lý tài sản công....

e) Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số

- Đã ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước thông qua các phần mềm cơ sở dữ liệu đối với lĩnh vực công tác của ngành như: Quản lý lao động việc làm, người có công, bảo vệ chăm sóc trẻ em, đối tượng bảo trợ xã hội, hộ nghèo...; sử dụng phần mềm hệ thống quản lý văn bản, giải quyết TTHC trên Hệ thống một cửa điện tử, tiếp nhận trực tuyến hồ sơ TTHC; thực hiện chữ ký số, sử dụng thư công vụ.

- Triển khai thực hiện giải quyết TTHC về thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 trên Cổng dịch vụ công quốc gia

tại địa chỉ: *ncovi.dichvucong.gov.vn*. Hoàn thành việc công khai 150/160 TTHC (đạt 93,75%) thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông khảo sát phần mềm Bảo hiểm thất nghiệp để triển khai kết nối Cổng dịch vụ công của tỉnh.

- Đang áp dụng thực hiện Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động cơ quan.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Nhìn chung, trong quý III/2021, Sở đã tập trung chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ công tác CCHC, các hoạt động bám sát, đảm bảo hướng tới mục tiêu theo Kế hoạch năm 2021 mà Sở đã đề ra. Đã củng cố đội ngũ công chức nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao; tập trung thực hiện cải cách TTHC, nhất là cắt giảm thời gian và giải quyết TTHC đúng, trước hạn cho người dân, tổ chức; đẩy mạnh tuyên truyền CCHC để thông tin đến người dân về thủ tục cách thức giải quyết hồ sơ TTHC về chế độ, chính sách đối với đối tượng gặp khó khăn do dịch COVID-19.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CCHC QUÝ IV/2021

1. Tham mưu UBND tỉnh ban hành, trình HĐND tỉnh thông qua 06 văn bản quy phạm pháp luật (QPPL), gồm: 05 Nghị quyết, 01 Quyết định. Tích cực nghiên cứu đóng góp ý kiến vào các dự thảo văn bản QPPL.

2. Rà soát, cập nhật để kịp thời tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh công bố TTHC thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành; tổ chức triển khai thực hiện Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong thực hiện giải quyết TTHC của ngành; đánh giá việc giải quyết TTHC của Sở, của các đơn vị trực thuộc; tiếp tục thực hiện công tác cải cách TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; khảo sát mức độ hài lòng của người dân, tổ chức trong giải quyết TTHC của cơ quan, đơn vị.

3. Thực hiện tốt công tác tổ chức bộ máy và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

4. Thực hiện tốt quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kinh phí quản lý hành chính theo qui định. Thực hiện nghiêm chương trình hành động phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan. Khai thác, sử dụng hiệu quả phần mềm quản lý văn bản, sử dụng thư điện tử trong công việc; theo dõi giải lãng phí của ngành.

5. Đẩy mạnh ứng dụng quyết hồ sơ thủ tục hành chính trên phần mềm một cửa điện tử.

6. Kiểm tra công tác cải CCHC tại đơn vị trực thuộc, phòng chuyên môn Sở.

7. Tăng cường tuyên truyền CCHC, cải cách TTHC.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC quý III/2021 và phương hướng, nhiệm vụ CCHC quý IV/2021 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Sở Tư pháp;
- Lưu : VT, VP (TL1).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phụ lục 1
THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
QUÝ III/2021 TẠI SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-SLĐTBXH ngày 16/9/2021 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội)

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC của cơ quan, đơn vị			
1.1	Kế hoạch CCHC		1	
1.1.1	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	6	
1.1.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	6	
1.1.3	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành	Văn bản	10	
1.2	Kiểm tra CCHC			
1.2.1	Số phòng chuyên môn đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	0	
	Số đơn vị trực thuộc đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	0	
1.2.2	Số cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
	Số UBND xã đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
1.2.3	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	0	
1.2.4	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
1.3	Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND giao			
1.3.1	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	2	
1.3.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	2	
1.3.3	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ		
1.4	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức			
1.4.1	Số lượng phiếu khảo sát tại cơ quan, đơn vị	Số lượng	203	Tại Trung tâm Dịch vụ việc làm
Trong đó	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	1	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	Kết quả khảo sát	Rất hài lòng: .../... phiếu Hài lòng: .../... phiếu Bình thường: .../... phiếu Không hài lòng: .../... phiếu Rất không hài lòng: .../... phiếu	Rất hài lòng: 158/203 phiếu Hài lòng: 41/203 phiếu Bình thường: 04/203 phiếu Không hài lòng: 0 phiếu Rất không hài lòng: 0 phiếu	
1.4.2	Số lượng phiếu khảo sát cấp xã trên địa bàn quản lý			
Trong đó	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2		UBND cấp huyện tổng hợp
	Kết quả khảo sát	Rất hài lòng: .../... phiếu Hài lòng: .../... phiếu Bình thường: .../... phiếu Không hài lòng: .../... phiếu Rất không hài lòng: .../... phiếu		
1.5	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
2.	Cải cách thể chế			
2.1	Số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành	Văn bản	1	
2.2	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	0	
2.3	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản	5	
2.4	Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản	4	
2.5	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản		Đang trình UBND tỉnh
3.	Cải cách thủ tục hành chính			
3.1	Thống kê TTHC			
3.1.1	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	5	Quyết định số 1645/QĐ-UBND ngày 25/6/2021; Quyết định số 1886/QĐ-UBND ngày 20/7/2021
3.1.2	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	6	Quyết định số 1769/QĐ-UBND ngày 6/7/2021; Quyết định số 1996/QĐ-UBND ngày 03/8/2021 của UBND tỉnh
3.1.3	Tổng số TTHC đang có hiệu lực	Thủ tục	160	
Trong đó	Số TTHC cấp tỉnh:	Thủ tục	80	UBND cấp huyện không tổng hợp tiêu chí này
	Số TTHC cấp huyện:	Thủ tục	12	
	Số TTHC cấp xã:	Thủ tục	13	
3.2	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông	Thủ tục	112	- Cấp tỉnh: 80

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
				(Tiếp nhận tại TTPVHCC) - Tỉnh, huyện, xã: 29 - Tỉnh, huyện: 3
3.2.1	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	80	
3.2.2	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	32	
3.2.3	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ	%	100	
3.2.4	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%	100	
3.3	Kết quả giải quyết TTHC			
3.3.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn theo quy định	%	100	
3.3.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		UBND cấp huyện tổng hợp
3.3.3	Tỷ lệ hồ sơ TTHC thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi quá hạn giải quyết (nếu có)	%		
3.4	Vận hành Cổng dịch vụ công			
3.4.1	Số TTHC được tích hợp lên Cổng DVC	Thủ tục	150	150 TTHC tích hợp lên Cổng dịch vụ công quốc gia
3.4.2	Số TTHC cung cấp mức độ 3, 4 trên Cổng DVC	Thủ tục	157	
3.4.3	Số TTHC đã tích hợp dịch vụ thanh toán trực tuyến.	Thủ tục	8	
4.	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước			
4.1	Cơ cấu tổ chức bộ máy			
4.1.1	Số phòng chuyên môn/cơ quan chuyên môn	Cơ quan, đơn vị	5	
4.1.2	Số đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc	Cơ quan, đơn vị	3	
4.1.3	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập đã cắt giảm so với năm 2015	%	25	
4.2	Số liệu về biên chế công chức			
4.2.1	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	42	

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.2.2	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	42	
4.2.3	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người	0	
4.2.4	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
4.2.5	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	20,25%	42/53
4.3	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập (nếu có)			
4.3.1	Tổng số người làm việc được giao	Người	52	TTDVVL 14; TTBTXH 21; CSCNMT: 13. Bộ phận quản lý nghĩa trang liệt sỹ tỉnh: 4
4.3.2	Tổng số người làm việc có mặt	Người	34	TTDVVL 8; TTBTXH 10; CSCNMT: 13. Bộ phận quản lý nghĩa trang liệt sỹ tỉnh: 3
4.3.3	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	5	
4.3.4	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	8,77%	
5.	Cải cách chế độ công vụ			
5.1	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
5.1.1	Số phòng chuyên môn/cơ quan chuyên môn đã xây dựng vị trí việc làm và được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		Đang xây dựng nhưng chờ hướng dẫn theo Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020
5.1.2	Số đơn vị sự nghiệp đã xây dựng vị trí việc làm và được phê	Cơ quan, đơn vị	3	Sở đã thẩm định

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	duyet vị trí việc làm theo quy định (nếu có)			trình Sở Nội vụ
5.1.3	Số cơ quan, đơn vị có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra, kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	0	
5.2	Tuyển dụng công chức, viên chức			
5.2.1	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	1	
5.2.2	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
5.2.3	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	0	
5.2.4	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
5.2.5	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người		UBND cấp huyện tổng hợp
5.3	Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo			
5.3.1	Thực hiện tuyển chọn, bổ nhiệm lãnh đạo qua thi tuyển	Đã thực hiện = 1 Chưa thực hiện = 0	0	
5.3.2	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc cơ quan, đơn vị được bổ nhiệm mới	Người	0	
5.3.3	Số lãnh đạo đơn vị sự nghiệp được bổ nhiệm mới (nếu có)	Người		
5.4	Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (cả về Đảng và chính quyền).			
5.4.1	Số cán bộ, công chức của cơ quan, đơn vị bị kỷ luật.	Người	0	
5.4.2	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật (nếu có)	Người	0	
5.4.3	Số cán bộ, công chức cấp xã thuộc UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		UBND cấp huyện tổng hợp
6.	Cải cách tài chính công			
6.1	Số đơn vị SNCL (nếu có) đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư (đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	0	
6.2	Số đơn vị SNCL (nếu có) đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên (đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	0	
6.3	Số đơn vị SNCL (nếu có) đã thực hiện tự chủ một phần chi	Cơ quan, đơn vị	2	Cơ sở Cai nghiệm

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	thường xuyên (đến thời điểm báo cáo)			ma túy tỉnh, Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh
6.4	Số đơn vị SNCL (nếu có) do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên (đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	1	
6.5	Số lượng đơn vị SNCL (nếu có) đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	0	
7.	Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số			
7.1	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản 2.0	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
7.2	Xây dựng và vận hành Hệ thống họp trực tuyến	Chưa có = 0 Hoàn thành = 1	0	
7.3	Thực hiện chữ ký số.	Chưa thực hiện = 0 Đã thực hiện = 1	1	
7.4	Dịch vụ công trực tuyến			
7.4.1	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3	TTHC	0	
7.4.2	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 4	TTHC	157	
7.4.3	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 3	%	0	
7.4.4	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 4	%	100	Đối với hồ sơ tiếp nhận tại TPVHCC
7.5	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
7.5.1	Tổng số văn bản đi giữa các cơ quan hành chính nhà nước trên phần mềm quản lý văn bản và điều hành	Văn bản	890	
Trong đó	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	%	100	
	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	%		

Phụ lục 2
KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH QUÝ III/2021
TẠI SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-SLĐTBXH ngày 16/9/2021 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội)

S T T	Lĩnh vực giải quyết	Số lượng hồ sơ tiếp nhận				Số lượng hồ sơ đã giải quyết			Số lượng hồ sơ đang giải quyết			Ghi chú
		Tổng số	Trong kỳ			Tổng số	Trước hạn và Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn	
			Thực tuyến	Từ kỳ trước	Trực tiếp, dịch vụ bưu chính							
I. Cấp tỉnh (tại TTPVHCC)		105	98	7	0	103	103	0	2	2	0	0
1	Lao động	12	11	1		11	11		1	1		
2	Giáo dục dạy nghề	1	1			1	1					
3	An toàn vệ sinh lao động	4	4			4	4					
4	Người có công	9	8	1		8	8		1	1		
5	Việc làm	77	72	5		77	77					
6	Bảo trợ xã hội	2	2			2	2					
II. Trung tâm Dịch vụ việc làm (đơn vị trực thuộc Sở)		15.226	130		15.096	15.226	15.226					
1	Bảo hiểm thất nghiệp	15.226	130		15.096	15.226	15.226					
TỔNG CỘNG		15.331	228	7	15.096	15.329	15.329	0	2	2	0	0

Ngoài ra, giải quyết 156 hồ sơ lĩnh vực người có công liên thông, trong đó: Giải quyết trước hạn 130 hồ sơ tỉnh, huyện, xã và 24 hồ sơ tỉnh, huyện; 02 hồ sơ tỉnh, huyện đang trong thời hạn giải quyết.

Phụ lục 4
KẾT QUẢ KHẢO SÁT SỰ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI DÂN, TỔ CHỨC
TẠI SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI QUÝ III/2021

(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-SLDTBXH ngày 16 /9/2021 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội)

STT	Lĩnh vực	Số lượt người dân, tổ chức đã giao dịch giải quyết TTHC	Số phiếu khảo sát trực tiếp	Số phiếu khảo sát trực tuyến	Kết quả khảo sát (số phiếu và %)					Ghi chú
					Rất hài lòng	Hài lòng	Bình thường	Không hài lòng	Rất không hài lòng	
I	Các lĩnh vực tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công									
Số liệu chi tiết được Trung tâm Phục vụ Hành chính công báo cáo tại Báo cáo số 36/TTPVHCC-BC ngày 14/9/2021										
II	Các lĩnh vực tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Dịch vụ việc làm (đơn vị thuộc Sở)									
1	Lĩnh vực Bảo hiểm thất nghiệp	1.058	203		158 phiếu (đạt 77,83%)	41 phiếu (đạt 20,2%)	04 phiếu (đạt 1,97%)			
Tổng		1.058	203		158 phiếu (đạt 77,83%)	41 phiếu (đạt 20,2%)	04 phiếu (đạt 1,97%)			